TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21/3/2023
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 21/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú phố 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 10, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H1 sinh năm 1985; địa chỉ phố 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022, bản tự khai ngày 12/10/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh H1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND thị trấn Y ngày 09/5/2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên sích mích cãi nhau, không tôn trọng nhau, mâu thẫn kéo dài ngày càng trầm trọng; từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị H xin được ly hôn với anh H1. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Bùi Thị Thiên N sinh ngày 13/11/2012 và cháu Bùi Minh C sinh ngày 25/12/2013, hiện cả hai cháu đang ở với chị H; chị H đề nghị Tòa án giao cả hai cháu N và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi

con cho chị H và chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đối với bị đơn là anh H1, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đều hợp lệ, nhưng anh H1 đều vắng mặt; nên không có lời khai của anh H1 trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn trong vụ án chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Cho chị H được ly hôn với anh H1.

- Giao cháu N và cháu C cho chị H nuôi dưỡng; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H; anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh H1, việc khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H1 cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh H1 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Về hôn nhân: Theo lời khai của chị H, chị H và anh H1 đều tự nguyện kết hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2012 do UBND thị trấn Y cấp thể hiện chị H và anh H1 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y vào ngày 09/5/2012, tại thời điểm kết hôn chị H và anh H1 đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; do vậy hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp..

Lý do ly hôn, theo lời khai của chị H thì từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 từ năm 2018 cho đến nay đã không còn yêu tH quý trọng nhau, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; việc chị H và anh H1 sống ly thân nhau đã thể hiện rõ là hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh H1 ly hôn.

[3] Về nuôi con:

Chị H và anh H1 có 02 con là cháu Bùi Thị Thiên N sinh ngày 13/11/2012 và cháu Bùi Minh C sinh ngày 25/12/2013.

Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn vừa là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, tuy nhiên hiện tại cả hai cháu lại ở với chị H; trong quá trình giải quyết anh H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau ly hôn; nguyện vọng của chị H là được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu và nguyện vọng của hai cháu cũng mong muốn được sống chung cùng với mẹ, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai cháu N và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, do chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu; nên Tòa án không buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con là N và cháu C cho chị H.

[4] Về tài sản: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H; cho chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn H1 ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H; giao cả hai cháu Bùi Thị Thiên N sinh ngày 13/11/2012 và cháu Bùi Minh C sinh ngày 25/12/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và chị H.

Anh H1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N và cháu C được sống chung với chị H và anh H1 có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu N và cháu C; chị H không được cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc cháu N và cháu C.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005603 ngày 12/10/2022 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND thị trấn Y
- Các đương sự
- Lưu hồ s